



HIỆP ĐỊNH CPTPP

*HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TÌNH HUỐNG VỀ
MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ - ĐẦU TƯ*

Những nội dung chính



Cấu trúc cơ bản của Chương Dịch vụ, Đầu tư và Danh mục NCM



Các bước tra cứu Danh mục NCM của Hiệp định CPTPP



Giới thiệu bài tập tình huống và thực hành tra cứu cam kết về Dịch vụ - Đầu tư trong Hiệp định CPTPP



**CẤU TRÚC CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG DỊCH VỤ, ĐẦU TƯ
VÀ DANH MỤC NCM NHƯ THẾ NÀO?**



HIỆP ĐỊNH CPTPP-30 CHƯƠNG

- 00 - Lời mở đầu
- 01 - Chương Các điều khoản ban đầu và các định nghĩa chung
- 02 - Chương Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hoá
- 03 - Chương Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ
- 05 - Chương Quản lý hải quan và tạo thuận lợi thương mại
- 06 - Chương Phòng vệ thương mại
- 07 - Chương Các biện pháp SPS
- 08 - Chương Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)
- 09 - Chương Đầu tư**
- 10 - Chương Thương mại dịch vụ xuyên biên giới**
- 11 - Chương Dịch vụ tài chính
- 12 - Chương Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh
- 13 - Chương Viễn thông
- 14 - Chương Thương mại điện tử
- 15 - Chương Mua sắm của Chính phủ
- 16 - Chương Chính sách cạnh tranh
- 17 - Chương Doanh nghiệp Nhà nước và độc quyền chỉ định
- 18 - Chương Sở hữu trí tuệ
- 19 - Chương Lao động
- 20 - Chương Môi trường
- 21 - Chương Hợp tác và xây dựng năng lực
- 22 - Chương Nâng cao sức cạnh tranh và thuận lợi hoá hoạt động kinh doanh
- 23 - Chương Phát triển
- 24 - Chương Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- 25 - Chương Hội tụ phương pháp hoạt định chính sách thương mại
- 26 - Chương Minh bạch hoá và chống tham nhũng
- 27 - Chương Các điều khoản hành chính và thể chế
- 28 - Chương Giải quyết tranh chấp
- 29 - Chương Các ngoại lệ và các điều khoản chung
- 30 - Chương Các điều khoản cuối cùng

HIỆP ĐỊNH CPTPP-7 NHÓM PHỤ LỤC

- 7 Nhóm Phụ lục về các vấn đề chi tiết
- Phụ lục 2D – Cam kết hàng hoá của các nước
- Phụ lục 3 và 4 – Quy tắc xuất xứ và Dệt may
- Phụ lục I – NCM & Phụ lục II - NCM**
- Phụ lục III – Dịch vụ tài chính
- Phụ lục IV – Doanh nghiệp Nhà nước
- Phụ lục 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh
- Phụ lục 15A - Mua sắm của Chính phủ



CẤU TRÚC CHƯƠNG DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ



Chương 10 - Dịch vụ xuyên biên giới

13 ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Điều 10.1: Định nghĩa
- Điều 10.2: Phạm vi điều chỉnh
- **Điều 10.3: Đối xử quốc gia (NT)**
- **Điều 10.4: Đối xử tối huệ quốc (MFN)**
- **Điều 10.5: Tiếp cận thị trường (MA)**
- **Điều 10.6: Hiện diện tại nước sở tại (LP)**
- **Điều 10.7: Các biện pháp không tương thích (NCM)**
- Điều 10.8: Quy định trong nước (DR)
- Điều 10.9: Công nhận (MR)
- Điều 10.10: Từ chối lợi ích
- Điều 10.11: Minh bạch hóa
- Điều 10.12: Thanh toán và chuyển tiền
- Điều 10.13: Những vấn đề khác

3 PHỤ LỤC

- Phụ lục 10.A Dịch vụ chuyên môn
- Phụ lục 10-B Dịch vụ chuyển phát nhanh
- **Phụ lục 10-C Cơ chế 'chỉ tiến không lùi' đối với các biện pháp không tương thích**

Chương 9 - Đầu tư

MỤC A – ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Điều 9.1: Các định nghĩa
- Điều 9.2: Phạm vi áp dụng
- Điều 9.3: Quan hệ với các Chương khác
- Điều 9.4: Đối xử Quốc gia (NT)**
- Điều 9.5: Đối xử Tối huệ quốc (MFN)**
- Điều 9.6: Tiêu chuẩn Đối xử Tối thiểu
- Điều 9.7: Đối xử trong trường hợp xung đột vũ trang hoặc bạo loạn dân sự
- Điều 9.8: Tước quyền sở hữu và Bồi thường
- Điều 9.9: Chuyển tiền
- Điều 9.10: Yêu cầu thực hiện (PR)**
- Điều 9.11: Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị
- Điều 9.12: Các biện pháp không tương thích (NCM)**
- Điều 9.13: Thế quyền
- Điều 9.14: Thủ tục riêng biệt và Yêu cầu thông tin
- Điều 9.15: Từ chối lợi ích
- Điều 9.16: Đầu tư và môi trường, sức khỏe và các mục tiêu quản lý khác
- Điều 9.17: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

MỤC B: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ ĐẦU TƯ 12 PHỤ LỤC

CẤU TRÚC CHƯƠNG ĐẦU TƯ



Chương 9 - Đầu tư

MỤC B: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 9.18: Tham vấn và Thương lượng

Điều 9.19: Trình Khiếu kiện ra Trọng tài

Điều 9.20: Chấp thuận của các Bên về trọng tài

Điều 9.21: Điều kiện và hạn chế chấp thuận của mỗi Bên

Điều 9.22: Lựa chọn trọng tài

Điều 9.23: Điều hành của trọng tài

Điều 9.24: Minh bạch Thủ tục Trọng tài

Điều 9.25: Luật áp dụng

Điều 9.26: Giải thích các Phụ lục

Điều 9.27: Báo cáo chuyên gia

Điều 9.28: Hợp nhất vụ kiện

Điều 9.29: Phán quyết

Điều 9.30: Tiếp nhận tài liệu khiếu kiện

Chương 9 - Đầu tư

12 PHỤ LỤC

Phụ lục 9-A Luật Tập quán Quốc tế

Phụ lục 9-B Tước quyền sở hữu

Phụ lục 9-C Tước quyền sở hữu liên quan đến đất đai

Phụ lục 9-D Tiếp nhận tài liệu khiếu kiện tại một Bên theo Mục B

Phụ lục 9-E Chuyển tiền

Phụ lục 9-F DL 600

Phụ lục 9-G Nợ công

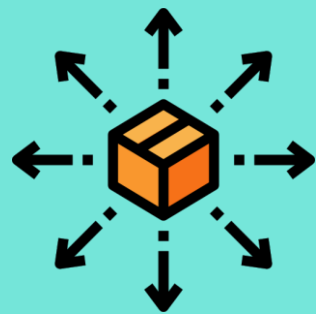
Phụ lục 9-H

Phụ lục 9-I Cơ chế điều chỉnh các biện pháp không tương thích (Cơ chế ratchet)

Phụ lục 9-J Trình Khiếu kiện ra Trọng tài

Phụ lục 9-K Trình Khiếu kiện cụ thể trong 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực

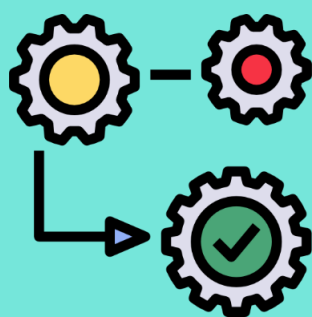
Phụ lục 9-L Hợp đồng đầu tư



Chương Dịch vụ điều chỉnh các Phương thức cung cấp dịch vụ:

Phương thức 1 - Cung cấp qua biên giới (cho khách hàng tại Việt Nam)

Phương thức 2 – Tiêu dùng ở nước ngoài (khách hàng Việt Nam di chuyển tới nước ngoài và tiêu dùng dịch vụ tại đó)




Chương Đầu tư điều chỉnh các Phương thức cung cấp dịch vụ:


Phương thức 3 – Hiện diện thương mại

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM



 **HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG**
Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership

Trang chủ Liên hệ và hỏi đáp Tư liệu tham khảo

Nhập từ khóa tìm kiếm 

TIN TỨC TỔNG QUAN CAM KẾT CHÍNH **VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH** HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VBPL THỰC HIỆN CẦU HỎI THƯỜNG GẶP

VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

- › Lời văn của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
- › Lời văn các chương của hiệp định
- › Phụ lục 2D – Cam kết hàng hoá của các nước
- › Phụ lục 3 và 4 – Quy tắc xuất xứ và Dệt may
- › **Phụ lục I - NCM**
- › **Phụ lục II - NCM**
- › Phụ lục III – Dịch vụ tài chính
- › Phụ lục IV – Doanh nghiệp Nhà nước
- › Phụ lục 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh
- › Phụ lục 15A - Mua sắm của Chính phủ

Lời văn của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

- Lời văn Hiệp định CPTPP (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

Lời văn các chương của hiệp định

- 00 - Lời mở đầu (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 01 - Chương Các điều khoản ban đầu và các định nghĩa chung (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 02 - Chương Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hoá (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 03 - Chương Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 04 - Chương Dệt may (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 05 - Chương Quản lý hải quan và tạo thuận lợi thương mại (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 06 - Chương Phòng vệ thương mại (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 07 - Chương Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 08 - Chương Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 09 - Chương Đầu tư (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 10 - Chương Thương mại dịch vụ xuyên biên giới (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 11 - Chương Dịch vụ tài chính (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 12 - Chương Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 13 - Chương Viễn thông (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 14 - Chương Thương mại điện tử (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- 15 - Chương Mua sắm của Chính phủ (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM



VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

- > Lời văn của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
- > Lời văn các chương của hiệp định
- > Phụ lục 2D – Cam kết hàng hoá của các nước
- > Phụ lục 3 và 4 – Quy tắc xuất xứ và Dệt may
- > **Phụ lục I - NCM**
- > **Phụ lục II - NCM**
- > Phụ lục III – Dịch vụ tài chính
- > Phụ lục IV – Doanh nghiệp Nhà nước
- > Phụ lục 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh
- > Phụ lục 15A - Mua sắm của Chính phủ

Phụ lục I - NCM

- Ghi chú giải thích (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ót-xtrây-li-a (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Bru-nây (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ca-na-đa (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Chi-lê (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ma-lai-xia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Mê-hi-cô (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Nhật Bản (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Pê-ru (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Xinh-ga-po (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Việt Nam (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

Phụ lục II - NCM

- Ghi chú giải thích (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ót-xtrây-li-a (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Bru-nây (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ca-na-đa (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Chi-lê (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ma-lai-xia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Mê-hi-cô (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Nhật Bản (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Pê-ru (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Xinh-ga-po (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Việt Nam (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM – GHI CHÚ



TIN TỨC
TIN TỨC

TỔNG QUAN
TỔNG QUAN

CAM KẾT CHÍNH
CAM KẾT CHÍNH

VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH
VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN
HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

VBPL THỰC HIỆN
VBPL THỰC HIỆN

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP
CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

- > Lời văn của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
- > Lời văn các chương của hiệp định
- > Phụ lục 2D – Cam kết hàng hoá của các nước
- > Phụ lục 3 và 4 – Quy tắc xuất xứ và Dệt may
- > Phụ lục I - NCM
- > Phụ lục II - NCM
- > Phụ lục III – Dịch vụ tài chính
- > Phụ lục IV – Doanh nghiệp Nhà nước
- > Phụ lục 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh
- > Phụ lục 15A - Mua sắm của Chính phủ

Phụ lục I - NCM

- Ghi chú giải thích (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ôt-xtrây-li-a (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Bru-nây (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ca-na-đa (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Chi-lê (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ma-lai-xia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Mê-hi-cô (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Nhật Bản (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Pê-ru (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Xinh-ga-po (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Việt Nam (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

Phụ lục II - NCM

- Ghi chú giải thích (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ôt-xtrây-li-a (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Bru-nây (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ca-na-đa (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Chi-lê (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ma-lai-xia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Mê-hi-cô (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Nhật Bản (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM – GHI CHÚ



- (a) **Ngành** chi ngành có duy trì biện pháp hạn chế được bảo lưu;
- (b) **Phân ngành**, nếu có, chỉ phân ngành cụ thể có duy trì biện pháp hạn chế được bảo lưu;
- (c) **Mã ngành công nghiệp**, nếu có, chỉ hoạt động được điều chỉnh trong bảo lưu, theo mã CPC được sử dụng trong tài liệu Phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (Loạt tài liệu thống kê M số. 77, Vụ Các vấn đề kinh tế và xã hội quốc tế, Phòng Thống kê của Liên Hợp quốc, New York, năm 1991);
- (d) Các nghĩa vụ liên quan chi rõ (các) nghĩa vụ nêu trong đoạn 1 mà, theo các Điều 9.11.1(a) (Các biện pháp không tương thích) và 10.7.1(a) (Các biện pháp không tương thích), không áp dụng đối với (các) biện pháp được liệt kê như đã nêu trong phần giới thiệu của Biểu cam kết mỗi Bên;
- (e) **Cấp Chính phủ** chỉ cấp chính phủ duy trì (các) biện pháp được liệt kê;
- (f) Các biện pháp chi luật, quy định, hoặc các biện pháp khác quy định về hạn chế được bảo lưu. Một biện pháp được trích dẫn trong phần **Các biện pháp**:
 - (i) được hiểu là biện pháp kể cả đã được sửa đổi, tiếp tục hoặc gia hạn khi Hiệp định này có hiệu lực, và
 - (ii) bao gồm bất kỳ biện pháp cấp thấp hơn được thông qua hoặc duy trì bởi cơ quan ban hành và phù hợp với biện pháp đó; and
- (g) Mô tả, như được nêu trong phần giới thiệu trong Biểu cam kết của mỗi Bên, hoặc liệt kê biện pháp không tương thích, hoặc đưa ra mô tả ở dạng không có tính chất ràng buộc về biện pháp được bảo lưu.

3. Điều 10.6 (Hiện diện tại nước sở tại) và Điều 10.3 (Đãi ngộ quốc gia) là các quy định tách biệt và một biện pháp mà chỉ không phù hợp với Điều 10.6 (Hiện diện tại nước sở tại) sẽ không cần được bảo lưu đối với Điều 10.3 (Đãi ngộ quốc gia).

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM – PHỤ LỤC I



ANNEX I

SCHEDULE OF VIET NAM

INTRODUCTORY NOTES

1. **Description** sets out the non-conforming measure for which the entry is made.
2. In accordance with Article 9.12 (Non-Conforming Measures) and Article 10.7 (Non-Conforming Measures), the articles of this Agreement specified in the **Obligations Concerned** element of an entry do not apply to the non-conforming measures identified in the **Description** element of that entry.
3. Classification numbers, where referenced in the **Sub-Sector** element, refers to the activity covered by the non-conforming measure according to the provisional CPC codes as used in the Provisional Central Product Classification (Statistical Papers Series M No. 77, Department of International Economic and Social Affairs, Statistical Office of the United Nations, New York, 1991).

Sector: Professional Services

Sub-Sector: Auditing services (CPC 862)

Obligations Concerned: Local Presence (Article 10.6)

Level of Government: Central

Measures: *Decree No. 17/2012/ND-CP* dated 13 March 2012

Description: Cross-Border Trade in Services

Foreign services suppliers are not permitted to supply auditing services unless they meet the requirements of local presence in Viet Nam.

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM – PHỤ LỤC II



ANNEX II

SCHEDULE OF VIET NAM

Sector: All

Sub-Sector:

Obligations Concerned: National Treatment (Article 9.4)
Most-Favoured-Nation Treatment (Article 9.5)
Performance Requirements (Article 9.10)
Senior Management and Boards of Directors (Article 9.11)

Description: Investment

Viet Nam reserves the right to adopt or maintain any measure conferring rights or privileges to socially, economically and geographically disadvantaged minorities and ethnic groups.

Existing Measures:

CẤU TRÚC DANH MỤC NCM – PHỤ LỤC II



Sector: All

Sub-Sector:

Obligations Concerned: Market Access (Article 10.5)

Description: Investment and Cross-Border Trade in Services

Viet Nam reserves the right to adopt or maintain any measure that is not inconsistent with Viet Nam's obligations under Article XVI of GATS.

For the purposes of this entry, Viet Nam's Schedule of Specific Commitments is modified as set out in Appendix II-A.

Existing Measures:

Appendix II-A

For the purposes of entry at Annex II – Viet Nam – 36, Viet Nam's obligations under Article XVI of GATS as set out in Viet Nam's Schedule of Specific Commitments in Services under the GATS (WT/ACC/VNM/48/Add.2) are improved in the following sectors as described below.

Sector/Sub-Sector	Market Access Improvement
BUSINESS SERVICES	
Real estate services	
Involving own or leased property (CPC 821)	Insert new commitments as follows: Mode 1: None. Mode 2: None. Mode 3: None.
On a fee or contract basis	Insert new commitments as follows: Mode 1: None. Mode 2: None. Mode 3: None.
Rental/Leasing Services without Operators	
Relating to other machinery and equipment (CPC 83109)	Replace existing restriction under mode 1 with "None".
Other Business Services	
Services incidental to fishing (only specialised)	Insert new commitments as follows:



CÁC BƯỚC TRA CỨU DANH MỤC NCM

CÁC BƯỚC TRA CỨU CỤ THỂ

Xác định các FTAs có liên quan giữa Việt Nam và nhà CCDV/nhà ĐT mang quốc tịch

Chọn FTAs được áp dụng (Giả định hiện nay là CPTPP)

Xác định ngành/phân ngành dịch vụ được xem xét: Tham chiếu Bảng mã phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời của Liên hợp quốc (PCPC) năm 1991 đối với các ngành dịch vụ và mã ngành VSIC đối với ngành đầu tư

Tra cứu cam kết đối với nghĩa vụ MA trong Dịch vụ và Đầu tư tại Phụ lục II, từ đó đối chiếu với cam kết MA trong WTO để xác định mức độ cam kết MA

Tra cứu cam kết đối với các nghĩa vụ NT, MFN, LP, PR, SMBD trong Dịch vụ và Đầu tư tại Phụ lục I và II



TÌNH HUỐNG GIẢ ĐỊNH MINH HỌA



Tình huống giả định:

Nhà đầu tư đến từ Nhật Bản nhận thấy thị trường Việt Nam có nhiều tiềm năng trong hoạt động xuất nhập khẩu các sản phẩm hàng hóa. Chính vì vậy, năm 2020, công ty POA của Nhật Bản đã trình hồ sơ lên cơ quan cấp phép có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị cho phép thành lập công ty liên doanh với đối với Việt Nam trong đó tỷ lệ sở hữu của phía Nhật Bản là 51%.

1. Hỏi theo cam kết của Hiệp định CPTPP, với tư cách là một cơ quan cấp phép về vấn đề này tại Việt Nam, bạn có nghĩa vụ cấp phép cho nhà đầu tư đến từ Nhật Bản này hay không?
2. Với tư cách là một tư vấn luật cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bạn sẽ đưa ra lời khuyên nào với nhà đầu tư này?

Việt Nam mở cửa dịch vụ đóng gói (CPC 876)



TRA CỨU CAM KẾT NGHĨA VỤ MA DỊCH VỤ ĐÓNG GÓI



R&D services on social science and humanity (CPC 852)	Insert new commitments as follows: Mode 1: None. Mode 2: None. Mode 3: None.
A. Interdisciplinary R&D services (CPC 853)	Insert new commitments as follows: Mode 1: None. Mode 2: None. Mode 3: None.
Packaging services (CPC 876)	Insert new commitments as follows: Mode 1: None. Mode 2: None. Mode 3: None, except joint venture with the foreign capital contribution not exceeding 49 per cent shall be permitted.

TRA CỨU CAM KẾT NGHĨA VỤ MA DỊCH VỤ ĐÓNG GÓI



Dịch vụ	Cam kết dịch vụ trong WTO (Lộ trình tính tới ngày 01/11/2019)	Hiệp định CPTPP
Dịch vụ đóng gói (CPC 876)	(1) Chưa cam kết	(1) Không hạn chế
	(2) Chưa cam kết	(2) Không hạn chế
	(3) Chưa cam kết	(3) Không hạn chế ngoại trừ liên doanh phải với số vốn góp của nước ngoài không quá 49%

THỰC HÀNH TRA CỨU DANH MỤC NCM



Việt Nam cam kết mở cửa thị trường đối với dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị không kèm người điều khiển và dịch vụ đóng gói



Tình huống giả định số 1

Công ty A là một công ty của nhà đầu tư mang quốc tịch Ca-na-đa muốn đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để kinh doanh đối với một số dịch vụ gồm: (i) dịch vụ thuê, cho thuê máy móc và thiết bị không có người điều hành; (ii) dịch vụ đóng gói và (iii) dịch vụ quảng cáo.

a. Công ty A muốn áp dụng điều kiện đầu tư theo Hiệp định CPTPP để thực hiện các dịch vụ trên thì Cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu tư tại Việt Nam có được căn cứ theo Hiệp định CPTPP để quyết định cấp phép cho dự án này mà không phải lấy ý kiến Bộ ngành có liên quan không?

b. Trường hợp công ty A đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dịch vụ quảng cáo (chưa đăng ký đầu tư đối với dịch vụ thuê và cho thuê máy móc không kèm người điều khiển và dịch vụ đóng gói) tại Việt Nam trước ngày Hiệp định CPPTP có hiệu lực (14/01/2019).

Do có sự khác biệt trong phạm vi và mức độ cam kết mở cửa thị trường dịch vụ - đầu tư của Việt Nam đối với các dịch vụ nêu trên trong WTO và Hiệp định CPPTP nên công ty A đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cho phép áp dụng cam kết ưu đãi trong cả 3 lĩnh vực này theo Hiệp định CPTPP. Vậy cơ quan có thẩm quyền cấp phép của Việt Nam sẽ áp dụng điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tất cả mục tiêu của dự án đầu tư này, bao gồm cả mục tiêu dự án đã có và mục tiêu dự án đăng ký bổ sung (tức là dịch vụ (i), (ii) và (iii)) hay chỉ điều chỉnh đối với mục tiêu dự án đề nghị bổ sung (tức là dịch vụ (ii) và (iii))?



Tình huống giả định số 2

Công ty A là một công ty Mê-hi-cô muốn kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam. Do dịch vụ thương mại điện tử là dịch vụ Việt Nam chưa cam kết tại WTO nên theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, công ty A phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh để được cấp quyền kinh doanh dịch vụ này.

Sau khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực, được biết Hiệp định CPTPP áp dụng phương pháp chọn - bỏ, và nội dung cam kết nêu tại Phụ lục I và II của Danh mục NCM của Hiệp định CPTPP không đề cập tới ngành "dịch vụ thương mại điện tử".

Vậy thì theo cam kết của Hiệp định CPPTP thì công ty A có được quyền kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử như nhà đầu tư trong nước mà không cần phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hay không?

Việt Nam mở cửa dịch vụ thương mại điện tử



Việt Nam mở cửa dịch vụ phân phối

Tình huống giả định số 3

Công ty A tư vấn cho nhà đầu tư đến từ Nhật Bản muốn đầu tư vào Việt Nam dịch vụ phân phối đường và gạo. Khi nghiên cứu cam kết của Việt Nam đối với dịch vụ phân phối, công ty A thấy rằng nội dung bảo lưu không tương thích được liệt kê như sau:

- "Obligation Concerned": NT;
- "Measures": Decree 23, Circular 09, Circular 05, Decision 10;
- "Description": Việc thành lập các cơ sở bán lẻ (ngoài cơ sở bán lẻ đầu tiên) sẽ được cho phép trên cơ sở kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT). Việc xin phép thành lập nhiều hơn một cơ sở bán lẻ phải tuân thủ quy trình đã có và được công bố công khai và việc cấp phép phải dựa trên các tiêu chí khách quan. Các tiêu chí chính để kiểm tra nhu cầu kinh tế là số lượng các nhà cung cấp dịch vụ đang hiện diện trong một khu vực địa lý, sự ổn định của thị trường và quy mô địa lý. Việc thành lập các cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500m² tại các khu vực đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quy hoạch cho hoạt động mua bán hàng hoá và đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, sẽ không phải kiểm tra nhu cầu kinh tế. Năm năm sau khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực, việc kiểm tra nhu cầu kinh tế sẽ bị bãi bỏ và bảo lưu này sẽ hết hiệu lực.

1. Công ty A đó cho rằng "Measures" là phần liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành tại thời điểm Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với dịch vụ được mô tả. Phần "Description" chỉ liệt kê ra một hoặc một số các biện pháp không tương thích đối với nghĩa vụ cần tuân thủ được nêu trong "Obligations Concerned" mà KHÔNG phải là tất cả các biện pháp không tương thích mà Việt Nam có thể áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được liệt kê tại phần "Measures" và các văn bản quy phạm pháp luật có thể được sửa đổi hoặc bổ sung sau này.

Vậy đối với những biện pháp không tương thích KHÔNG được mô tả trong "Description" nhưng được nêu trong văn bản quy phạm pháp luật tại phần "Measures" thì Việt Nam vẫn được quyền áp dụng là đúng hay không? Nếu Việt Nam ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản liệt kê trong bảo lưu NCM thì Việt Nam sẽ áp dụng như thế nào đối với các quy định mới đó?

2. Nhà đầu tư đến từ Nhật Bản nêu trên có thể được phép phân phối mặt hàng gạo và đường khi thành lập cơ sở bán lẻ thứ nhất tại Việt Nam vào năm 2020 hay không? Nếu công ty này muốn phát triển thị trường và mở thêm nhiều cơ sở bán lẻ khác ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất vào năm 2025 có chịu ENT hay không?



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !!!

VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐỊA CHỈ

Số 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐIỆN THOẠI

024.2220.5420/024.2220.2245

EMAIL

wto_mtpd@moit.gov.vn